

Số: /2025/QĐ-UBND Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13; Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01 ngày 7 ngày 2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 78/2025/NĐ-CP hướng dẫn và biện pháp để tổ chức Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định việc phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi;

Căn cứ Thông báo số 329/TB-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Trần Duy Đông tại Phiên họp UBND tỉnh chuyên đề (lần 3) về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 722/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 10 năm 2025 và Văn bản số 6275/SNNMT-TL ngày 29 tháng 10 năm 2025 (được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 1392/BC-STP ngày 10 tháng 10 năm 2025);

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định: Số 26/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Số 19/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Số 01/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Số 18/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc sửa đổi một số điều của Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kèm theo Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp; Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quan sự tỉnh; Chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Phú Thọ; Giám đốc các công ty TNHH một thành viên Liễn Sơn, Lập Thạch, Tam Đảo, Phúc Yên; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hòa Bình và các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý, xử lý hành chính - Bộ Tư Pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN và MT;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Phú Thọ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- CVNCTH;
- Lưu: VT, NN8 (HQ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Công Sứ

QUY ĐỊNH**Phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ***(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND**ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, áp dụng đối với công trình được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, đã được giao quản lý, khai thác và đưa vào sử dụng.

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Điều 16 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP và Điều 26 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở, hộ gia đình và cá nhân được giao quản lý, sử dụng và khai thác công trình thủy lợi và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý công trình thủy lợi

1. Phù hợp với quy mô, năng lực quản lý của cấp được phân cấp.
2. Gắn với trách nhiệm, điều kiện nhân lực, tài chính, kỹ thuật.
3. Có cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện.
4. Không làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cấp trên.

Chương II
QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các công trình thủy lợi lớn; công trình thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ liên quan đến 02 đơn vị cấp xã trở lên; công trình đã tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp và công trình do các doanh nghiệp nhà nước đang được giao vận hành, khai thác; công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) quản lý các công trình thủy lợi không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật Thủy lợi; Điều 26 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.

3. Tiêu chí phân loại công trình thủy lợi để làm cơ sở cho việc giao quản lý thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP, Điều 3 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt, công bố quy trình vận hành công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn; công trình thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ liên quan đến 02 đơn vị cấp xã trở lên; công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi vừa trên địa bàn.

Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Thủy lợi; Điều 17 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ đối với đập, hồ chứa nước lớn; công trình mà việc khai thác, bảo vệ liên quan đến 02 đơn vị cấp xã trở lên; công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bảo vệ đối với công trình thủy lợi không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, trừ công trình thủy lợi nhỏ.

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP; khoản 4 Điều 17 Nghị định 131/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đối với công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ liên quan đến 02 đơn vị cấp xã trở lên.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án đối với công trình thủy lợi vừa trên địa bàn.

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP; Điều 17 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định phương thức Giao nhiệm vụ, đấu thầu, đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Thủy lợi; Nghị định 32/2019/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là chủ quản lý các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thực hiện bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, doanh nghiệp nhà nước thực hiện bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu chất lượng nước phục vụ mục đích tưới, tiêu, thủy lợi theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn các địa phương, đơn vị có liên quan được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn các đơn vị lập phương án khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

d) Hàng năm, xây dựng kế hoạch để kiểm tra công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

đ) Đôn đốc các địa phương thành lập, củng cố, kiện toàn, bổ sung năng lực tổ chức thủy lợi cơ sở; đôn đốc các doanh nghiệp nhà nước thực hiện củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy theo quy định.

e) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, doanh nghiệp nhà nước trong công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đảm bảo năng lực theo quy định.

f) Xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa thường xuyên; sửa chữa, cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh hàng năm và từng giai đoạn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

g) Hàng năm, tổng hợp tình hình quản lý, khai thác, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp danh mục đầu tư xây dựng công trình thủy lợi theo đề xuất của các sở, ngành, địa phương vào danh mục đầu tư công trung hạn và theo từng giai đoạn; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép các nguồn vốn, đề xuất các chính sách, cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư thu hút để đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi; bố trí vốn sự nghiệp để duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc tham gia vào quy hoạch thủy lợi, quản lý xây dựng liên quan đến công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường ngăn chặn các hành vi phá hoại, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi và khắc phục hậu quả khi xảy ra sự cố.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu công trình theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định khác của pháp luật khác có liên quan.

b) Giao cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý Nhà nước về thủy lợi trực thuộc là chủ quản lý các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

c) Có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai, thực hiện quản lý, sử dụng đất gắn với công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP.

d) Chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 08/2025/NĐ-CP; hàng năm, tổng hợp tình hình quản lý, khai thác, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với những công trình được phân cấp quản lý gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 20 tháng 02 hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

đ) Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện công tác lựa chọn, ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

e) Chỉ đạo, thực hiện củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy theo tại Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP và Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 30 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

f) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị khai thác quản lý tốt công trình thủy lợi trên địa bàn; xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi theo quy định.

g) Tổ chức thủy lợi cơ sở, hộ gia đình, cá nhân được giao khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm quản lý, khai thác công trình thủy lợi đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Đối với doanh nghiệp nhà nước

a) Thực hiện trách nhiệm quản lý nước, quản lý công trình, quản lý kinh tế theo quy định tại Điều 20 Luật Thủy lợi; có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai, thực hiện quản lý, sử dụng đất gắn với công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về thủy lợi theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

b) Tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với những công trình thủy lợi được giao quản lý, khai thác gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 20 tháng 02 hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

c) Thực hiện củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP và Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

Trong khi chưa thực hiện xong việc phân cấp, phân loại công trình thủy lợi, các đơn vị hành chính cấp xã mới được hình thành sau sắp xếp có trách nhiệm tiếp nhận nguyên trạng và kế thừa việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do đơn vị hành chính cấp xã cũ quản lý theo quy định của pháp luật.

Trong 90 ngày kể từ ngày Quy định có hiệu lực, UBND cấp xã hoàn thành việc tiếp nhận hồ sơ, kiểm kê, lập danh mục, cập nhật dữ liệu công trình và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp xã hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; tổng hợp vướng mắc, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh khi cần thiết./.